

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8+SAVR	7:25	17+0	0+0		10+9	0+0	ec225
2		TD3+CLO	7:25	12+8	0+0		5+8	0+0	
3		BK9+P4	7:25	7+15	0+0		2+20	0+0	
4		TTCl+CTK3+P2	7:25	11+7+4	0+0+0		11+9+2	0+0+0	
5		RP3+RP2+RC5	7:25	20+2+0	0+0+0		7+0+15	0+0+0	chuyen 4 rp2-rc5
6		PPD+P10+P5	9:25	19+2+1	0+0+0		17+3+2	0+0+0	
7		PVD8+TD1+MRM	9:25	12+0+4	0+0+0		11+1+7	0+0+0	chuyen 1 pvd8-td1, 3pvd8-mrm
8		CTK3+BK16+GTCl	9:25	22+0+0	0+0+0		15+0+0	0+0+0	chuyrn 2 bk16-gtcl
9		PPD+MRM	9:25	12+10	0+0		9+10	0+0	
10		MRM+TTCl+RP2	9:25	18+0+1	0+0+0		17+2+2	0+0+0	chuyen1 ctcl-rp2
11		CLO+BK14+BK9	11:45	1+15+5	0+0		0+15+7	0+0	
12		RC6+RC8+RP3	11:45	4+3+11	0+0+0		0+0+18	0+0+0	
13		TD2+PVD8	11:45	12+4	0+0		0+19	0+0	

TTĐBSX

1/ Đi về trong ngày BK9-4ng, PVD8-4ng
2/ 2 người TTCl về đi RC6, 1 ng RC5 về đi Rp2, 2ng RC5 về đi RC8



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1A	TO: PVD8 - SAVR	CREW: ĐTRUNG - XTRƯỜNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1201	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN TAN HIEU	PVD8	03-04	2	13			52	PVD LOGGI	Vietnamese
2	HOANG TRONG CHUC	PVD8	02	1	3	4	55	75	PVD DD	Vietnamese
3	TRAN VAN PHUC	PVD8	13-14	2	10			57	PVD DD	Vietnamese
4	TRAN ĐUC CUONG	PVD8	12	1	11			68	PVD OFFSH	Vietnamese
5	TRAN VAN THEU	PVD8	05	1	4			77	PVD OFFSH	Vietnamese
6	MAI VAN NHAT	PVD8	09	1	5			75	INTL.SOS	Vietnamese
7	NGUYEN HOAI VU	PVD8						66	D-HANH	Vietnamese
8	IAXHIN R.V.	PVD8	58	1	2			80	D-HANH	Russian
9	NGUYEN MANH TUE	PVD8						69	KH-THAC	Vietnamese
10	KRAMARENKO V.V.	PVD8						67	KH-THAC	Russian
11	SOMPORN ARDTAS	PVD8	16-17	2	19			91	SCHLUMBE	Thailand
12	NGUYEN VAN THUONG	PVD8	08	1	5			59	PVD OFFSH	Vietnamese
13	ĐANG VAN KIEM	PVD8	11	1	8			74	PVD OFFSH	Vietnamese
14	BUI VAN TUAN	PVD8	10	1	3	2	20	70	PVD OFFSH	Vietnamese
15	NGUYEN VU QUANG ANH	PVD8	06	1	5			76	PVD OFFSH	Vietnamese
16	LY A BINH	PVD8	15	1	3			62	PVD OFFSH	Vietnamese
17	VÔ NGỌC PHU	PVD8	07	1	6			67	PVD OFFSH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	WT				PCS
1	PVD8	17	1.185	17	97	6	75	9	
2	SAVR	0	0	0	0	1	8	10	
TOTAL		17	1.185	17	97	7	83	19	
WEIGHT KG			1.185		97		83		

GRAND TOAL: 1.365 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN ĐỨC TRUNG
HÀ XUÂN TRƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD3 - CLO	CREW: KHOÀN - HTRUNG - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1209	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ HỮU QUYẾT	TD3	54-55	2	13			70	ABS	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	TD3	61-62	2	11			100	VR	Vietnamese
3	NGUYỄN NAM CUÔNG	TD3	51-52	2	8			85	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN TUẤN	TD3	50	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
5	KOSHELEV PAVEL	TD3	60	1	4			89	KHOAN	Russian
6	DOROSHENKO MAXIM	TD3	53	1	7			98	KHOAN	Russian
7	NOROV DENIS	TD3	56	1	15			82	KHOAN	Russian
8	LÊ VIỆT HÙNG	TD3	63	1	10			67	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HẢI 81	TD3	58-59	2	16			60	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM MINH TÂN	TD3	64	1	5			76	SEAMAP	Vietnamese
11	PHAN ĐÌNH CHIẾN	TD3	65	1	6	7	140	58	SEAMAP	Vietnamese
12	SOSNIN DENIS	TD3	57	1	7			95	VTB	Russian
13	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	CLO	77	1	6			54	KHOAN	Vietnamese
14	TELESHENKO IVAN	CLO	76	1	17			102	KHOAN	Russian
15	NGUYỄN HỮU HOANG ANH	CLO	79-80	2	11			115	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG TIẾN	CLO	69	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG DŨ KHANH	CLO	73	1	15	1	17	77	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN MINH ĐẠT	CLO	81-82	2	18	1	12	76	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN BA HÙNG	CLO	78	1	7	2	30	79	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	12	955	16	105	7	140	5		THÁO 2 GHẾ CHỖ HÀNG
2	CLO	7	580	9	86	4	59	8		
TOTAL		19	1.535	25	191	11	199	13		
WEIGHT KG			1.535		191		199			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK9 - P4	CREW: NAM - NPHÚ - VŨ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1212	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN NAM THAI	BK9						64	D-HANH	Vietnamese
2	ĐẶNG HOANG ANH	BK9	59	1	9	3	45	88	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN PHONG	BK9						66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN HUNG	BK9	61	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET MINH HOANG	BK9						80	ANTOAN	Vietnamese
6	VŨ THẾ HẬU	BK9	57	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ THANH HÀ	BK9	58	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH NGỌC QUY	P4	90	1	5			78	KHI	Vietnamese
9	PHẠM TRẠI	P4	96	1	6			61	KHI	Vietnamese
10	TẠ XUÂN HIẾU	P4	98	1	5			64	KHI	Vietnamese
11	PHẠM THẾ TRƯỞNG	P4	93	1	8			77	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TRUNG	P4	200	1	5			63	KHI	Vietnamese
13	LÊ TRUNG LÂM	P4						82	KHI	Vietnamese
14	ĐOAN VĂN TRỰC	P4	97	1	7			68	KHI	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	89	1	7			78	KHI	Vietnamese
16	PHAN HỒNG TÂM	P4	91-92	2	9			64	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	94	1	6			78	KHI	Vietnamese
18	LÊ XUÂN HIẾN	P4	99	1	13			61	KHI	Vietnamese
19	LÊ HỒNG PHONG	P4						82	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VIET NGOC	P4	95	1	6			66	KHI	Vietnamese
21	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4				1	8	83	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TAI	P4						73	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	7	514	4	29	3	45	2		
2	P4	15	1.078	12	77	1	8	20		
TOTAL		22	1.592	16	106	4	53	22		
WEIGHT KG			1.592		106		53			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI NGOC HA

CREW

TRẦN HỒNG NAM
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:TTC1 - CTK3 - P2	CREW: HUNG - TTRUNG - HUY	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 04	VNHS FLIGHT: TM26/1215		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN HOANG PHUC	TTC1	50-51	2	19			79	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN HONG QUAN	TTC1	48	1	13	3	45	90	XAYLAP	Vietnamese
3	NGO DINH NHAT MINH	TTC1	49	1	14			84	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HOAN	TTC1	47	1	11			70	XAYLAP	Vietnamese
5	CAO VAN DAU	CTK3	10-11	2	9			71	KH-THAC	Vietnamese
6	VU XUAN THANH	CTK3	04	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUC HUNG	CTK3	07	1	6			45	KH-THAC	Vietnamese
8	VU XUAN TRUC	CTK3	05	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
9	DO VAN TRI	CTK3	06	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI TIEN DUNG	CTK3	12	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
11	DINH NHO HOANG	CTK3	09	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
12	TRUONG QUOC BAO	CTK3	01	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VAN DOANH	CTK3	03	1	6			66	YTE	Vietnamese
14	PHAN VAN CHUYEN	CTK3	08	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐANG PHUC THANG	CTK3	02	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM XUAN TRUONG	P2	37	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN QUY TRUNG	P2	39	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN TRONG TUAN	P2	38	1	13			79	KH-THAC	Vietnamese
19	VU NGOC TU	P2	36	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
20	VU ANH TUAN	P2	34	1	14			69	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN VAN TUYET	P2	35	1	18			93	DVL	Vietnamese
22	ĐANG DUC THUONG	P2	33	1	15			85	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC1	4	323	5	57	3	45	2		
2	CTK3	11	731	12	68	0	0	11		
3	P2	7	544	7	82	0	0	9		
TOTAL		22	1.598	24	207	3	45	22		
WEIGHT KG			1.598		207		45			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN THÀNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:43
B.CARD: NAU-1	TO:RP3 - RP2 - RC5	CREW: LHM - THONG - DUNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1217	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	AKOPOV DAVID	RP3	90	1	3			87	KH-THAC	Russian
2	LAM TIEN PHI	RP3	94	1	6			82	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN SANG	RP3	95	1	4			60	KHI	Vietnamese
4	TRAN VAN SEN	RP3	87	1	4			68	KHI	Vietnamese
5	LE NHU NGUYEN	RP3	82-83	2	10			66	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CU	RP3	84	1	3			58	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN THANH HA	RP3	86	1	5			85	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	98	1	3			80	KHI	Vietnamese
9	DANG HUY KHANH	RP3	50	1	7			79	KHI	Vietnamese
10	HO VAN LUONG	RP3	93	1	4			64	KHI	Vietnamese
11	PANKRATOV ROMAN	RP3	88	1	12	1	6	93	KHI	Russian
12	PHAM VAN LAP	RP3						59	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VIET KY	RP3	96	1	5			71	KHI	Vietnamese
14	HA THE BAO	RP3						79	KHI	Vietnamese
15	NGO NGOC HAN	RP3	91	1	3	3	22	62	KHI	Vietnamese
16	PHAM BINH NAM	RP3	97	1	5			61	KHI	Vietnamese
17	TRAN THANH TUNG	RP3	99,2000	2	14			75	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI VAN THINH	RP3	85	1	12			73	XAYLAP	Vietnamese
19	HUYNH ĐỨC TÂM	RP3	92	1	9			61	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI VAN CHUNG	RP3	49	1	13			51	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN ANH TUAN	RP2	10	1	12	2	40	72	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN VIET	RP2	11	1	10			56	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	20	1.414	20	122	4	28	7		
2	RP2	2	128	2	22	2	40	0 + 4	CHUYEN 4 PAX TU RP2 SANG RC5	
3	RC5	0	0	0	0	2	39	15		
TOTAL		22	1.542	22	144	8	107	22		
WEIGHT KG			1.542		144		107			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LUU THANH HAI
NGUYỄN THỨC ĐÔNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: PPD - P10 - P5	CREW: KHOÀN - HTRUNG - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1210	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	29	1	6			64	KHI	Vietnamese
2	ĐÌNH THÈ QUÂN	PPD	34	1	5			71	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	32	1	3			77	KHI	Vietnamese
4	VŨ MẠNH HÙNG	PPD	55	1	5			80	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TÀ	PPD	36	1	3			68	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	PPD	37	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC KHÔI	PPD	59	1	9	8	84	67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH DŨNG	PPD	35	1	3			97	XNKT	Vietnamese
9	NGUYỄN BA THUẬN	PPD	39-40	2	17			75	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU HỒ	PPD	54	1	15			64	CODIEN	Vietnamese
11	VŨ TIÊN PHỤNG	PPD	38	1	15			73	CODIEN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN MẠNH	PPD	41-42	2	17			80	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG QUÂN	PPD	27-26	2	6			73	KHI	Vietnamese
14	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	30	1	6			84	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	33	1	3			68	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU HẠO	PPD	57	1	5			76	KHI	Vietnamese
17	KOLESNIK A.Y	PPD	26	1	7			101	KHI	Russian
18	LÊ MINH PHỤNG	PPD	31	1	7			78	KHI	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC SƠN	P10	66-67	2	13			72	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ QUANG ĐẠO	P10	64-65	2	17			78	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN AN	P5	74	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK		
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO			PAX	CARGO
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	18	1.372	21	141	8	84	17		
2	P10	2	150	4	30	0	0	3		
3	P5	1	64	1	9	0	0	2		
TOTAL		21	1.586	26	180	8	84	22		
WEIGHT KG			1.586		180		84			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 10:10
B.CARD: TIM-2	TO: PVD8 - TD1 - MRM	CREW: LTUẤN - CHIẾN	ETA: 12:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/1202	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE VAN THANH 1982	PVD8	33	1	4			74	PVD OFFSH	Vietnamese
2	LAI VAN CUONG	PVD8	38-39	2	19			63	PVD OFFSH	Vietnamese
3	DO ĐUC ĐAO	PVD8	50	1	6			74	PVD OFFSH	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THANG	PVD8	35	1	7			76	PSV	Vietnamese
5	BUI HAI THANH	PVD8	37	1	8	2	30	71	PSV	Vietnamese
6	LE DINH THIN	PVD8	36	1	4			70	PSV	Vietnamese
7	TRAN DUOY LINH	PVD8	34	1	5			80	PVD OFFSH	Vietnamese
8	LUONG VAN THO	PVD8	31	1	4			50	PVD OFFSH	Vietnamese
9	DOAN MINH QUOC	PVD8	32	1	9			59	PVD OFFSH	Vietnamese
10	PHAM VAN LINH	PVD8	26	1	4			55	PVD OFFSH	Vietnamese
11	HA HUYNH XUAN DIEP	PVD8	25	1	8			72	PVD OFFSH	Vietnamese
12	ISAKOV ALEKSEI	MRM	21	1	7			100	AMHTP	Russian
13	PIMAKIN OLEG	MRM	20	1	15			120	AMHTP	Russian
14	PIKULSKII TIMUR	MRM	19	1	5			134	AMHTP	Russian
15	PETR MISAKOV	MRM	17-18	2	12			111	AMHTP	Russian
16	KONDRATOV D.	MRM	23-24	2	15			119	NHA THAU	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	11	744	12	78	2	30	9	5	CHUYEN 1 PAX PVD8-TD1; CHUYEN 4 PAX PVD8-MRM
2	TD1	0	0	0	0	1	17	1		
3	MRM	5	584	7	54	0	0	5		
TOTAL		16	1.328	19	132	3	47	15		
WEIGHT KG			1.328		132		47			

GRAND TOAL: 1.507 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

DINH THI HOA

CREW

LUONG MANH TUAN

DO VAN CHIEN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: TANG-2	TO:CTK3 - BK16 - GTC1	CREW: NAM - NPHÚ - VŨ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/1213	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN PHUC PHUONG	CTK3						83	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG MANH	CTK3	19-20	2	7			67	KH-THAC	Vietnamese
3	DANG QUANG HUY	CTK3	31	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG PHUONG NAM	CTK3	15	1	14			70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG VAN HAI	CTK3	18	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
6	LE CONG AN	CTK3	32	1	2			67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC THUAN	CTK3	33	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VIET HUNG	CTK3	29	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN KHAC THANG	CTK3	25	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH CONG	CTK3	22-23	2	9			65	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG NGOC SANG	CTK3	24	1	10			55	KH-THAC	Vietnamese
12	LE NGOC GIAO	CTK3	30	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM NGOC CHIEN	CTK3	17	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
14	DINH QUANG HOAN	CTK3	16	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NAM	CTK3	28	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THIEN TOAN	CTK3	13	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
17	VU QUANG HAI	CTK3	14	1	15			75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3	34	1	2			66	HVJOC	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG HOAN	CTK3	26-27	2	15			75	BIEN DONG	Vietnamese
20	PHAM HUYNH CUONG	CTK3	35	1	16	4	35	76	CODIEN	Vietnamese
21	LE HAI AN	CTK3	21	1	5			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	21	1.474	23	158	4	35	15		
2	BK16	0	0	0	0	0	0	0+2	CHUYEN 2 PAX BK16-GTC1	
3	GTC1	0	0	0	0	2	35	0		
TOTAL		21	1.474	23	158	6	70	15		
WEIGHT KG			1.474		158		70			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: PPD - MRM	CREW: HUNG - TTRUNG - HUY	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/1216	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	CHU MINH PHUONG	PPD	01	1	7			89	KHI	Vietnamese
2	PHAM HAI QUANG	PPD	11	1	4			71	KHI	Vietnamese
3	TRINH QUOC THANH	PPD	14-15	2	13			106	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	PPD	04-05	2	10			82	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN ĐỨC HOA	PPD	08	1	5			76	KHI	Vietnamese
6	BUI THANH	PPD	09	1	3			63	KHI	Vietnamese
7	TRINH CONG BINH	PPD	10	1	5			64	KHI	Vietnamese
8	LE CU	PPD	03	1	13			70	KHI	Vietnamese
9	BUI VAN CHINH	PPD	06-07	2	16			67	KHI	Vietnamese
10	KIREEV MARAT	PPD	16	1	4			86	NIPI	Russian
11	TRAN KHOA TRUONG	PPD	02	1	8			81	NIPI	Vietnamese
12	HOANG XUAN ĐONG	PPD	12-13	2	7			62	PSV	Vietnamese
13	LE TAN GIAU	PPD						48	CDIEN	Vietnamese
14	NGUYEN DUY KHIEM	MRM	17	1	13			73	D-HANH	Vietnamese
15	KIRICHENKO K.P.	MRM	09	1	7			83	KHOAN	Russian
16	NGUYEN TUAN ANH	MRM	19	1	16	2	41	68	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC HUNG	MRM	12	1	10			78	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VINH KHA	MRM	16	1	13			78	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC BINH	MRM	13	1	15			65	DVL	Vietnamese
20	VU DUY CUONG	MRM	14-15	2	20			91	DVL	Vietnamese
21	ZAGULIN ALEKSANDR	MRM	10-11	2	17			85	AMHIP	Russian
22	VU TRUONG GIANG	MRM	22-23	2	15			68	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	13	965	16	95	0	0	9		
2	MRM	9	689	12	126	2	41	10		
TOTAL		22	1.654	28	221	2	41	19		
WEIGHT KG			1.654		221		41			

GRAND TOAL: 1.916 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:05
B.CARD: NAU-2	TO:MRM - CTC1 - RP2	CREW: LHAÌ - TĐÔNG - DỮNG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/1218	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	GILAEV AZAT	MRM	17	1	6			97	AMHP	Russian
2	KONANOV IVAN	MRM	08	1	11			65	AMHP	Russian
3	LOGANOV VITALII	MRM	09	1	14			94	AMHP	Russian
4	BOGOMOLOV DANIIL	MRM	12-13	2	13			92	AMHP	Russian
5	ABROSIMOV MAKSIM	MRM	02	1	14			92	AMHP	Russian
6	KURAMAGOMEDOV GADZHI	MRM	03-04	2	14			97	AMHP	Russian
7	MIZERA ROMAN	MRM	98-99	2	16			92	AMHP	Russian
8	BOBRETISOV VADIM	MRM	01	1	7			86	AMHP	Russian
9	TRIFONOV STANISLAV	MRM	800	1	12			94	AMHP	Russian
10	AZBERGENOV DASTEM	MRM	15-16	2	15			84	AMHP	Russian
11	MAKSHANTSEV EVGENY	MRM	97	1	16			75	AMHP	Russian
12	BASYROV IRSHAT	MRM	80-81	2	7			89	AMHP	Russian
13	NIKULIN LEONID	MRM	11	1	18			93	AMHP	Russian
14	SYCHEV VALERII	MRM	96	1	18			93	AMHP	Russian
15	NIKULIN ALEXANDER	MRM	10	1	18			82	AMHP	Russian
16	KRIVOSHEEV MAKSIM	MRM	14	1	15			95	AMHP	Russian
17	IAREMCHENKO TARAS	MRM	05	1	5			85	AMHP	Russian
18	UVAISOV MAGOMED	MRM	06-07	2	14			75	AMHP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	18	1.580	24	233	0	0	14		
2	CTC1	0	0	0	0	0	0	2 + 1		CHUYEN 1 PAX CTC1-RP2
3	RP2	0	0	0	0	1	12	3		
TOTAL		18	1.580	24	233	1	12	19		
WEIGHT KG			1.580		233		12			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

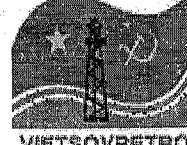
NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LUU THANH HẢI
NGUYỄN THỨC ĐÔNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: CLO - BK14 - BK9	CREW: LINH - SON - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/1211	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE MINH HIEU	CLO	63-65	3	16	1	20	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRỌNG MINH	BK14	04	1	7	3	50	65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG NGUYEN	BK14	98-99	2	20			85	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VAN CHUNG	BK14	94-95	2	16			81	ANTOAN	Vietnamese
5	TRUONG HUU PHUOC	BK14	91	1	10			66	YTE	Vietnamese
6	LE ANH TUAN (17373)	BK14	68	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN QUANG TUAN	BK14	96	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
8	LE MINH ĐỨC	BK14	97	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HIEU TRUNG	BK14	01-03	3	18			78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HONG MINH	BK14	100	1	9			93	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NHAN KHANH	BK14	92	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIET LONG	BK14	05	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN THIN	BK14	90	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN BA LINH	BK14	66-67	2	20			60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM DUY PHUC	BK14	06-07	2	20			68	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VIET ANH	BK14	93	1	8			68	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN LE TUNG	BK9	55-56	2	8			59	KH-THAC	Vietnamese
18	LE THAI SON	BK9	59-60	2	16	2	16	81	VIEN DK V	Vietnamese
19	NGO NGOC THUONG	BK9	91	1	2			82	VIEN DK V	Vietnamese
20	ĐỖ LY KHÁNH	BK9	57-58	2	14			84	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	1	70	3	16	1	20	0		
2	BK14	15	1.111	21	167	3	50	15		
3	BK9	4	306	7	40	2	16	7		
TOTAL		20	1.487	31	223	6	86	22		
WEIGHT KG			1.487		223		86			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: VANG-3	TO:RC6 - RC8 - RP3	CREW: DUONG - MTHAO - DTUNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM26/1214	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN HO QUANG	RC6	42	1	10	1	20	60	XAYLAP	Vietnamese
2	LE XUAN VU	RC6	25	1	15			73	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN CUONG TAN	RC6	21-22	2	19			82	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN MINH THONG	RC6	23-24	2	15			72	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN TUE	RC8	14	1	12			72	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG THAI LONG	RC8	15	1	7			54	PSV	Vietnamese
7	VU QUANG TUYEN	RC8	12-13	2	20			105	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN TAM	RP3	69	1	13			67	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM VAN SAC	RP3	65-66	2	16			60	XAYLAP	Vietnamese
10	MAI VAN MINH	RP3	62	1	11			70	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM TUAN KHANH	RP3	58-59	2	18			68	XAYLAP	Vietnamese
12	MAI CONG HUAN	RP3	56-57	2	16			69	XAYLAP	Vietnamese
13	DANG VAN NAM	RP3	70-71	2	18			80	XAYLAP	Vietnamese
14	KIM VAN TINH	RP3	60-61	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM TIEN DAT	RP3	63-64	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
16	DUONG MANH CUONG	RP3	67-68	2	20	3	50	69	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN HUU DUC	RP3	54	1	11	1	18	86	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN NGOC DUONG	RP3	55	1	11			66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	4	287	6	59	1	20	0		
2	RC8	3	231	4	39	0	0	0		
3	RP3	11	758	18	173	4	68	18		
TOTAL		18	1.276	28	271	5	88	18		
WEIGHT KG			1.276		271		88			

GRAND TOAL: 1.635 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

DINH THI HOA

CREW

BUI HOANG DUONG

MAI VAN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 12:30
B.CARD: TRANG-3	TO: TD2 - PVD8	CREW: LTUẤN - CHIÊN	ETA: 14:20
VSP FLIGHT: 13		VNHS FLIGHT: TM26/1219	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN MINH TIEN	TD2	74	1	8	1	15	99	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM NGOC PHONG	TD2	63	1	12			77	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI ANH TUAN	TD2	82-83	2	16			67	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN DUC DOAI	TD2	64-65	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN BAY	TD2	68-69	2	17			55	XAYLAP	Vietnamese
6	VI THAI	TD2	66-67	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAM VAN PHU	TD2	70	1	16	1	10	73	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN TAI	TD2	78-79	2	12			75	XAYLAP	Vietnamese
9	HAN CONG VIEN	TD2	75-76	2	21			76	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN KIM THANG	TD2	80-81	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG VAN THANG	TD2	72-73	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
12	DAO DUC DONG	TD2	77	1	20			78	XAYLAP	Vietnamese
13	DO QUOC HUY	PVD8	62-63	2	16	1	18	74	PVD OFFSH	Vietnamese
14	PHAN VAN NAM	PVD8	64	1	8			62	PVD OFFSH	Vietnamese
15	DUONG NHAT THANH	PVD8	61	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
16	DO DUC QUY	PVD8	59-60	2	13			84	PVD OFFSH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	12	847	20	201	2	25	0		
2	PVD8	4	295	6	46	1	18	19		
TOTAL		16	1.142	26	247	3	43	19		
WEIGHT KG			1.142		247		43			

GRAND TOAL: 1.432 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI NGOC HA

CREW

LUONG MANH TUAN

DO VAN CHIEN